

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2023/DS-PT

Ngày: 17/7/2023

V/v tranh chấp: “*Tranh chấp yêu cầu
tuyên bố giao dịch dân sự bị vô hiệu,
đòi lại tài sản và hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Hà
Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Kim Chi
Ông Đặng Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Yên - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Trần Ngọc Bích - Kiểm sát viên

Ngày 17 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý 106/2023/TLPT-DS, ngày 29 tháng 6 năm 2023 về việc “*Tranh chấp yêu cầu tuyên bố giao dịch dân sự bị vô hiệu, đòi lại tài sản và hợp đồng vay tài sản*”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST, ngày 09 tháng 5 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 121/2023/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1.1. Ông **Nguyễn Văn M** - Sinh năm 1968.

1.2. Bà **Nguyễn Thị Thu V** - Sinh năm 1966.

1.3. Bà **Nguyễn Thị Cẩm N** - Sinh năm 1990.

1.4. Ông **Nguyễn Kiện D** - Sinh năm 1988.

Cùng nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện B, tỉnh V.

Người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Kiện D là: Ông **Nguyễn T** - Sinh năm 1994; nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh H (Có mặt).

- Bị đơn: Bà **Nguyễn Thị Thúy H** - Sinh năm 1990; nơi cư trú: Đường Đ, phường C, Quận N, Thành phố C.

*Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Lê Phan Hoàng D**- Sinh năm 1990; nơi cư trú: Phường C, thị xã B, tỉnh V (Có mặt).*

*- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị Cẩm G**, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Ấp H, xã N, huyện B, tỉnh V.*

*Người đại diện hợp pháp của bà **Nguyễn Thị Cẩm G**: Ông **Nguyễn T** - Sinh năm 1994; nơi cư trú: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh H (Có mặt).*

*- Người kháng cáo: Bà **Nguyễn Thị Thúy H** - Bị đơn.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản khai ngày 21/12/2022 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn ông **Nguyễn Văn M**, bà **Nguyễn Thị Thu V**, bà **Nguyễn Thị Cẩm N** và ông **Nguyễn Kiện D** trình bày:*

Ngày 04/11/2022, ông **Nguyễn Văn M**, bà **Nguyễn Thị Thu V**, bà **Nguyễn Thị Cẩm N** và ông **Nguyễn Kiện D** do có vay của bà **Nguyễn Thị Thúy H** số tiền 120.000.000đ, lãi suất 2%/01 tháng (bằng 2.400.000đ/tháng), thời hạn vay là 05 năm (có làm văn bản thỏa thuận vay tiền và thế chấp quyền sử dụng đất ngày 04/11/2022). Sau khi nhận tiền, các nguyên đơn đã gửi trả trước tiền lãi một tháng bằng 2.400.000đ nên thực tế chỉ nhận số tiền 117.600.000đ. Các nguyên đơn có giao cho bà **Hằng** bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 103, tờ bản đồ số 4, diện tích 140,8m² loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã N, huyện B, tỉnh V do hộ ông **Nguyễn Văn M** đứng tên, để làm tin đảm bảo việc trả tiền vay. Bà **H** yêu cầu các nguyên đơn làm văn bản ủy quyền để bà **H** quản lý thửa đất 103 (theo *Hợp đồng ủy quyền ngày 04/11/2022 của Văn phòng công chứng Trần Thị Minh*) thì bà **H** đồng ý cho vay tiền (hình thức giả cách).

Ngày 06/11/2022, các nguyên đơn đã liên hệ bà **H** để trả tiền vay và chuộc lại thửa đất 103 nhưng bà **H** không đồng ý (đã liên hệ nhiều lần). Ngày 11/11/2022, các nguyên đơn đến Văn phòng công chứng Trần Thị Minh để yêu cầu hủy bỏ văn bản ủy quyền ngày 04/11/2022 với bà **H** do thiếu một thành viên trong hộ gia đình là **Nguyễn Thị Cẩm G** chưa ký tên ủy quyền; thông qua việc ủy quyền này các nguyên đơn phát hiện bà **H** đã tự ý chuyển nhượng thửa đất 103 cho người khác (chị **Trần Ngọc N**) với giá 600.000.000đ vào ngày 05/11/2022.

Vì vậy, Văn phòng công chứng Trần Thị Minh đã có thông báo số 20 ngày 11/11/2022 về việc hủy bỏ hợp đồng ủy quyền số 5404 quyền số 01/TP/CC – SCC/HĐGD ngày 04/11/2022 giữa các nguyên đơn và bà **Hằng**; hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 55413 quyền số 01/TP/CC – SCC/HĐGD ngày 05/11/2022 giữa bà **H** với bà **N**.

Ông **Nguyễn Văn M**, bà **Nguyễn Thị Thu V**, bà **Nguyễn Thị Cẩm N** và ông **Nguyễn Kiện D** khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

+ Vô hiệu Giấy thỏa thuận vay tiền, thế chấp quyền sử dụng đất giữa ông

M, bà V, bà N, ông D với bà Nguyễn Thị Thúy H.

+ Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H hoàn trả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 103, tờ bản đồ số 43, diện tích 140,8m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại ấp H, xã N, huyện B, tỉnh V.

+ Ông M, bà V, bà N, ông D đồng ý hoàn trả cho bà H số tiền gốc đã vay bằng 120.000.000đ và tiền lãi từ ngày 04/11/2022 đến ngày 05/11/2022 với lãi suất 2%/tháng là 160.000đ, tổng cộng gốc và lãi là 120.160.000đ, trừ đi số tiền lãi đã trả trước 01 tháng là 2.400.000đ còn 117.760.000đ.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Nguyễn T người đại diện theo ủy quyền của ông M, bà V, anh D và bà N xác định từ ngày 06/11/2022 đã liên hệ (nhắn tin và điện thoại) bà H để trả lại tiền vay nhưng không thể gặp. Trên thửa đất số 103 có tài sản là căn nhà cấp 4 của gia đình ông M, bà Vân đang sử dụng. Việc các nguyên đơn ủy quyền cho bà H và thế chấp, chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thửa đất 103 chỉ là để nhằm đảm bảo việc trả nợ tiền vay. Bản chính thỏa thuận giấy vay tiền ngày 04/11/2022 hiện ông M, bà V, anh D đang giữ.

** Bà Nguyễn Thị Thúy H trình bày:*

Bà H thống nhất ý kiến trình bày của nguyên đơn, người đại diện của nguyên đơn. Bà cho ông M, bà V, bà N, ông D vay số tiền 120.000.000đ, lãi suất 02%/tháng, khi giao tiền đã trả trước 01 tháng tiền lãi bằng 2.400.000đ nên chỉ giao số tiền 117.600.000đ, các nguyên đơn có thể chấp bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 103 để đảm bảo việc trả nợ. Trong trường hợp các nguyên đơn có nhu cầu trả tiền vay và nhận lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì thông báo cho bà H trước 30 ngày.

Bà H yêu cầu các nguyên đơn trả tiền lãi từ ngày 04/11/2022 đến ngày xét xử bằng 02%/tháng, tính lãi từ ngày 10/5/2023 đến khi hoàn tất việc trả hết tiền vay với mức lãi suất bằng 1,67%/tháng.

**** Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2023/DS-ST, ngày 09 tháng 5 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định:***

Áp dụng các điều 26, 35, 40, 147, của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng các điều 124, 131, 164, 166, 117, 407, 463, 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Điều 26 và khoản 3 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Thu V, bà Nguyễn Thị Cẩm N, ông Nguyễn Kiện D.

1.1. Tuyên bố vô hiệu một phần “Giấy thỏa thuận vay tiền thế chấp quyền sử dụng đất ngày 04/11/2022” giữa ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Thu V, bà Nguyễn Thị Cẩm N, ông Nguyễn Kiện D với bà Nguyễn Thị Thu H về nội

dung thể chấp quyền sử dụng đất tại thửa 103, tờ bản đồ số 4, diện tích 140,8m², loại đất ở nông thôn, tọa lạc tại xã N, huyện B, tỉnh V do hộ ông Nguyễn Văn M đứng tên được cấp quyền sử dụng đất ngày 25/10/2022.

1.2. Buộc ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Thu V, bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông Nguyễn Kiện D liên đới hoàn trả bà Nguyễn Thị Thúy H số tiền vay còn nợ bằng 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng).

1.3. Buộc bà Nguyễn Thị Thúy H có trách nhiệm hoàn trả ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Thu V, bà Nguyễn Thị Cẩm N, ông Nguyễn Kiện D và bà Nguyễn Thị Cẩm G bản chính chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành DE 054198, sổ vào sổ cấp GCN: CH 11226 do UBND huyện Bình Tân cấp quyền sử dụng đất cho hộ ông Nguyễn Văn M ngày 25/10/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo luật định.

* Ngày 22/5/2023, bị đơn Nguyễn Thị Thúy H có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm; buộc ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Thu V, bà Nguyễn Thị Cẩm N, ông Nguyễn Kiện D có trách nhiệm trả cho bà số tiền gốc là 120.000.000đ và tiền lãi phát sinh với mức lãi suất 2%/tháng cho đến khi trả nợ xong, tạm tính từ ngày 04/12/2022 đến ngày 05/5/2023, cụ thể: 120.000.000đ x 2%/tháng x 05 tháng = 12.000.000đ, tổng cộng gốc và lãi là 132.000.000đ (Một trăm ba mươi hai triệu đồng).

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Người đại diện hợp pháp của bị đơn Nguyễn Thị Thúy H xác định bị đơn thay đổi một phần kháng cáo, cụ thể: Bị đơn yêu cầu các nguyên đơn có nghĩa vụ trả số tiền gốc 120.000.000đ và số tiền lãi theo mức lãi suất 1,66%/tháng cho đến khi trả xong nợ, tạm tính đến ngày xét xử phúc thẩm là 19.986.400đ, tổng cộng gốc và lãi là 139.986.400đ; không yêu cầu trách nhiệm liên đới đối với các nguyên đơn. Người đại diện hợp pháp của bị đơn xác nhận ngày 06/11/2022, phía nguyên đơn có thông báo trả nợ cho bị đơn và xin chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bị đơn không đồng ý.

Nguyên đơn Nguyễn Thị Cẩm N, người đại diện hợp pháp của các nguyên đơn Nguyễn Văn M, Nguyễn Thị Thu V, Nguyễn Kiện D và người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Thị Cẩm G không đồng ý với kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung:

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc thay đổi một phần kháng cáo (giảm mức lãi suất) của bị đơn tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy, sự thay đổi kháng cáo này không vượt quá phạm vi kháng cáo ban đầu theo quy định tại Điều 284 của Bộ luật Tố tụng dân sự; do đó, về tố tụng, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi kháng cáo này của bị đơn.

[2] Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy H:

Các nguyên đơn là ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Thu V, bà Nguyễn Thị Cẩm N, ông Nguyễn Kiện D và bị đơn là bà Nguyễn Thị Thúy H đều xác nhận các nguyên đơn có vay số tiền 120.000.000đ của bà H vào ngày 04/11/2022; do đó, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn, buộc các nguyên đơn trả lại cho bị đơn số tiền gốc này là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều 275, 463 và 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với kháng cáo của bị đơn về phần lãi của khoản vay 120.000.000đ, xét thấy:

Trong Giấy thỏa thuận vay tiền thế chấp quyền sử dụng đất ngày 04/11/2022, các nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận lãi suất vay nên đây là hợp đồng vay có lãi, bên vay phải chịu lãi theo quy định của pháp luật. Theo hợp đồng vay này, các nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận thời hạn vay là 05 năm, đồng thời có thỏa thuận về việc chuộc lại quyền sử dụng đất và phần lãi như sau: *“... trong thời hạn 05 năm bên vay có tiền lúc nào sẽ thông báo chuộc lại quyền sử dụng đất và không có lãi phạt và lãi phát sinh nào hết...”*. Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của bị đơn giải thích hợp đồng như sau: Sau thời hạn 05 năm kể từ ngày vay, các nguyên đơn được quyền trả nợ vay cho bị đơn và chuộc lại quyền sử dụng đất. Việc giải thích hợp đồng này của phía bị đơn là không phù hợp với nội dung mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng, không phù hợp với ý chung của các bên theo quy định tại Điều 404 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên không được chấp nhận.

Do ngày 06/11/2022 các nguyên đơn đã có thông báo với bị đơn về việc xin trả nợ và chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo thỏa thuận mà không được bị đơn đồng ý nên các nguyên đơn không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ cho bị đơn có nguyên nhân từ phía bị đơn. Do vậy, các nguyên đơn không phải chịu lãi phát sinh sau ngày 06/11/2022 mà chỉ chịu lãi từ ngày 04/11/2022 đến ngày 06/11/2022 theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 (20%/năm). Do đó, kháng cáo của bị đơn về việc buộc các nguyên đơn trả lãi phát sinh sau ngày 06/11/2022 theo mức lãi suất 1,66%/tháng là không có căn cứ chấp nhận; kháng cáo của bị đơn về việc buộc các nguyên đơn trả lãi trong thời gian từ ngày 04/11/2022 đến ngày 06/11/2022 theo mức lãi suất 1,66%/tháng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các điều

275, 278, 280, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do số tiền lãi phát sinh trong thời gian từ ngày 04/11/2022 đến ngày 06/11/2022 đã được các nguyên đơn trả trước cho bị đơn khi vay (trả trước 01 tháng lãi bằng 2.400.000đ) và các nguyên đơn đã tự nguyện chịu toàn bộ số tiền này nên bản án sơ thẩm không buộc các nguyên đơn trả thêm tiền lãi cho bị đơn là có căn cứ.

Xét thấy, bị đơn kháng cáo yêu cầu các nguyên đơn là ông M, bà V, bà N và ông D cùng có trách nhiệm trả nợ cho bị đơn, không yêu cầu trách nhiệm liên đới đối với các nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 275 của Bộ luật Dân sự năm 2015 vì các đương sự không có thỏa thuận trách nhiệm liên đới và pháp luật cũng không quy định trách nhiệm liên đới trong trường hợp này. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn, sửa một phần bản án sơ thẩm về phần nghĩa vụ liên đới như một phần đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm:

Do sửa bản án sơ thẩm nên bị đơn không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại cho bị đơn số tiền tạm ứng án phí mà bị đơn đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

[4] Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không giải quyết, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thúy H.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 141/2022/DS-ST ngày 12/12/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng các Điều 275, 280, Điều 463, Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Điều 147 và Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Điều 26, khoản 3 Điều 27 và khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Thu V, bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông Nguyễn Kiện D.

Buộc ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Thu V, bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông Nguyễn Kiện D có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Thúy H số tiền vay còn nợ bằng 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Văn M, bà Nguyễn Thị Thu V, bà Nguyễn Thị Cẩm N và ông Nguyễn Kiện D chịu 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí mà các ông bà đã nộp tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long theo các biên lai thu số 0002772, 0002770, 0002773, 0002771 cùng ngày 16/01/2023. Ông M, bà V, bà N và ông D còn phải nộp thêm 4.800.000đ (Bốn triệu tám trăm nghìn đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Thúy H 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm mà bà H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long theo biên lai thu số 0002985 ngày 22/5/2023.

3. Các quyết định khác của bản án dân sự sơ thẩm về việc giải quyết vô hiệu một phần “Giấy thỏa thuận vay tiền thế chấp quyền sử dụng đất ngày 04/11/2022”, về trách nhiệm hoàn trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị Thúy H không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh VL;
- TAND huyện Bình Tân;
- Chi cục THADS huyện Bình Tân;
- Đương sự;
- Lưu: Tòa Dân sự, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phạm Thị Hồng Hà